

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 368 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 188/TTr-SKHCN ngày 23/9/2026 về phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng băng rộng cố định, mạng di động 4G/5G, Internet vạn vật (IoT), chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, ven biển, hải đảo, khu vực còn thiếu hoặc yếu về hạ tầng, điểm lǎm sóng và những địa bàn thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Tăng cường sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; lồng ghép đầu tư hạ tầng viễn thông trong các dự án giao thông, đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và các dự án phát triển hạ tầng khác; từng bước thực hiện ngầm hóa, chỉnh trang cáp viễn thông tại khu vực đô thị.

2. Yêu cầu

- Phát triển hạ tầng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan; bảo đảm đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả và tránh đầu tư chồng chéo.

- Hạ tầng viễn thông được đầu tư mới phải bảo đảm khả năng sử dụng chung, mở rộng, nâng cấp công nghệ; ưu tiên các công trình có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển 5G, IoT, công nghệ vệ tinh quỹ đạo thấp (LEO) và chuẩn bị cho các thế hệ mạng tiếp theo.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, khả năng duy trì hoạt động và khôi phục thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố, thiên tai; ưu tiên các khu vực có nguy cơ bị chia cắt, mất điện hoặc gián đoạn truyền dẫn.

II. HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU PHÁT TRIỂN

1. Hiện trạng: Hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông của người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Hạ tầng cáp quang đã được triển khai đến trung tâm các xã, phường, đặc khu;

mạng 4G cơ bản phủ đến các thôn; mạng 5G đang được các doanh nghiệp triển khai tại khu vực đô thị, trung tâm hành chính, khu đông dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp và các khu vực có nhu cầu cao. Toàn tỉnh hiện có khoảng 2.735 vị trí trạm BTS, trong đó có khoảng 827 vị trí triển khai 5G. Tuy nhiên, tại một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, địa hình phức tạp vẫn còn một số khu vực hạn chế về vùng phủ, chất lượng dịch vụ và khả năng duy trì thông tin liên lạc khi xảy ra thiên tai. Hạ tầng băng rộng cố định tại một số địa bàn còn chưa đáp ứng yêu cầu; việc phát triển hạ tầng tại các khu vực khó khăn cần tiếp tục được quan tâm.

2. Nhu cầu phát triển

- Tiếp tục mở rộng hạ tầng cáp quang, truyền dẫn và mạng băng rộng cố định, nâng cao chất lượng, dung lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ.

- Phát triển, nâng cấp mạng di động 4G/5G; rà soát, bổ sung trạm BTS tại các khu vực còn thiếu hạ tầng, điểm lồi sóng, khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo và các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

- Tăng cường khả năng chống chịu của hạ tầng BTS, bảo đảm duy trì thông tin liên lạc trong điều kiện thiên tai, sự cố; từng bước hình thành các vị trí hạ tầng có khả năng dự phòng nguồn điện, truyền dẫn và khôi phục nhanh sau sự cố.

- Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động dùng chung; đẩy mạnh ngầm hóa, chỉnh trang cáp viễn thông; tích hợp hạ tầng viễn thông trong các dự án xây dựng, giao thông, đô thị và khu công nghiệp.

- Nghiên cứu, từng bước triển khai giải pháp kết nối vệ tinh quỹ đạo thấp (LEO) tại các khu vực đặc biệt khó khăn; chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của mạng 6G và các công nghệ viễn thông mới.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát: Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ngãi đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững và có khả năng dùng chung; bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển mạng băng rộng cố định, mạng di động 4G/5G, IoT và chuyển đổi số; thu hẹp khoảng cách về hạ tầng giữa khu vực đô thị và nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; nâng cao khả năng duy trì thông tin liên lạc phục vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển mạng 5G theo lộ trình, phấn đấu đến năm 2030 vùng phủ 5G đạt tối thiểu 99% dân số; bảo đảm phủ sóng 5G ổn định tại các khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch và các khu vực có nhu cầu cao.

- Phát triển, nâng cấp hệ thống trạm BTS theo nhu cầu thực tế, ưu tiên các khu vực còn thiếu hạ tầng, điểm lồi sóng và khu vực khó khăn; 100% xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS đáp ứng yêu cầu chống chịu thiên tai cấp độ 4

theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định hiện hành, bảo đảm duy trì thông tin liên lạc khi xảy ra thiên tai, sự cố và tình huống khẩn cấp.

- Phát triển hạ tầng băng rộng cố định, nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao; mở rộng cáp quang đến các khu vực còn hạn chế về hạ tầng.

- Tăng cường sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động; đẩy mạnh ngầm hóa, chỉnh trang cáp viễn thông tại khu vực đô thị và các tuyến đường được ưu tiên.

- Nghiên cứu, triển khai thí điểm kết nối vệ tinh quỹ đạo thấp (LEO) tại khu vực khó khăn; chủ động chuẩn bị hạ tầng, công nghệ và nguồn lực để từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển mạng 6G.

- Nâng cao chất lượng, an toàn và khả năng chống chịu của hạ tầng viễn thông; tăng cường dự phòng nguồn điện, truyền dẫn và phương án khôi phục thông tin liên lạc.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; từng bước nâng cấp hệ thống quản lý, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật và khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước.

(Phụ lục 1 các chỉ tiêu cụ thể kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển hạ tầng băng rộng cố định và truyền dẫn

- Tiếp tục phát triển mạng cáp quang, truyền dẫn và băng rộng cố định đến các khu vực còn thiếu hoặc chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu; nâng cao dung lượng, chất lượng mạng, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

- Ưu tiên mở rộng hạ tầng đến các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực khó khăn; bảo đảm hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng di động và các hệ thống thông tin quan trọng.

2. Phát triển mạng di động 5G và trạm BTS

- Rà soát, phát triển, nâng cấp các trạm BTS tại khu vực còn thiếu trạm, vùng lõm, vùng có chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu, khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo và các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Mở rộng vùng phủ và nâng cao chất lượng mạng 4G, 5G; ưu tiên triển khai 5G tại khu vực đô thị, trung tâm hành chính, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực tập trung đông dân cư và có nhu cầu sử dụng dịch vụ cao.

- Bảo đảm mỗi xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS có khả năng duy trì hoạt động khi xảy ra thiên tai, sự cố, đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phòng, chống thiên tai.

- Khuyến khích sử dụng chung cột, nhà trạm, nguồn điện, truyền dẫn và các hạ tầng kỹ thuật liên quan; các trạm BTS xây dựng mới phải bảo đảm khả năng dùng chung, mở rộng, nâng cấp và tích hợp công nghệ 5G.

- Rà soát, tạo điều kiện bố trí vị trí phù hợp để doanh nghiệp viễn thông triển khai, mở rộng hạ tầng mạng 5G tại các khu vực khó bố trí vị trí trên đất tư nhân; trong đó nghiên cứu khai thác hợp lý quỹ đất công và các công trình, trụ sở, tòa nhà cao tầng thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước, phù hợp với quy hoạch, nhu cầu sử dụng và quy định của pháp luật, nhằm nâng cao vùng phủ, chất lượng dịch vụ 5G, nhất là tại khu vực trung tâm đô thị, trụ sở cơ quan nhà nước và phục vụ vùng phủ trong các tòa nhà.

3. Phát triển và sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động; ngầm hóa cáp

- Tăng cường sử dụng chung cột anten, nhà trạm, cống, bể, hào kỹ thuật, tuyến cáp và các công trình hạ tầng viễn thông thụ động.

- Khi đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo các tuyến đường, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, khu công nghiệp, khu kinh tế và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, thực hiện đồng bộ việc bố trí không gian, công trình kỹ thuật phục vụ hạ tầng viễn thông.

- Đẩy mạnh ngầm hóa, bó gọn và chỉnh trang cáp viễn thông; hạn chế phát triển mới cáp treo tại khu vực đã có hạ tầng ngầm phù hợp; ưu tiên các tuyến đường, khu vực đô thị và khu vực trung tâm.

4. Phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ khu kinh tế, khu công nghiệp, logistics và phát triển kinh tế - xã hội

- Bảo đảm hạ tầng viễn thông thụ động đáp ứng nhu cầu của Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, khu đô thị, khu du lịch và các khu vực tập trung sản xuất, kinh doanh.

- Lồng ghép yêu cầu về hạ tầng viễn thông ngay từ giai đoạn lập, thẩm định và triển khai các dự án đầu tư xây dựng; bảo đảm khả năng dùng chung, mở rộng và nâng cấp hạ tầng.

5. Bảo đảm an toàn, chất lượng và khả năng chống chịu của hạ tầng

- Thường xuyên rà soát, xác định các khu vực điểm lồi sóng, khu vực chưa đáp ứng chất lượng dịch vụ; xây dựng phương án xử lý phù hợp với điều kiện địa hình, dân cư và nhu cầu thực tế.

- Tăng cường dự phòng nguồn điện, truyền dẫn và thiết bị; xây dựng phương án duy trì, khôi phục thông tin liên lạc khi xảy ra thiên tai, sự cố, mất điện diện rộng hoặc các tình huống khẩn cấp.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các công trình viễn thông tại khu vực có nguy cơ cao về bão, lũ, sạt lở, ngập lụt và chia cắt giao thông.

6. Triển khai IPv6, nâng cao chất lượng dịch vụ và cơ sở dữ liệu hạ tầng

- Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi IPv6, IPv6 Only theo lộ trình; bảo đảm hạ tầng dùng chung và các hệ thống mới sẵn sàng kết nối IPv6 mà không bị phụ thuộc vào công nghệ cũ.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ viễn thông; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng mạng, đặc biệt tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và các khu vực có nhu cầu cao.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng.

7. Nghiên cứu công nghệ vệ tinh LEO và chuẩn bị hạ tầng cho mạng di động 6G

- Rà soát nhu cầu kết nối tại các khu vực đặc biệt khó khăn, địa hình phức tạp, chưa thuận lợi để phát triển hạ tầng cáp quang và trạm BTS; nghiên cứu, thí điểm giải pháp kết nối vệ tinh quỹ đạo thấp (LEO) phù hợp.

- Theo dõi xu hướng phát triển công nghệ 6G; nghiên cứu yêu cầu về hạ tầng, vị trí, nguồn điện, truyền dẫn, cột anten và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để chủ động chuẩn bị cho việc triển khai khi công nghệ và điều kiện thực tế cho phép.

(Phụ lục 2 các nhiệm vụ trọng tâm kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; nguồn lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan; nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Chủ trì rà soát hiện trạng hạ tầng, vùng phủ, điểm lồi sóng và nhu cầu phát triển hạ tầng viễn thông; hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đầu tư hằng năm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Phối hợp với các địa phương và doanh nghiệp xác định danh sách các xã, phường, đặc khu cần ưu tiên đầu tư, nâng cấp trạm BTS; theo dõi việc thực hiện mục tiêu bảo đảm 100% xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS đáp ứng yêu cầu chống chịu thiên tai cấp độ 4.

- Hướng dẫn, đôn đốc việc sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động; phối hợp triển khai ngầm hóa, chỉnh trang cáp viễn thông.

- Chủ trì tổng hợp, cập nhật cơ sở dữ liệu hạ tầng viễn thông; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển LEO, chuẩn bị hạ tầng 6G và các công nghệ mới.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp hướng dẫn, giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường phục vụ đầu tư, xây dựng hạ

tầng viễn thông theo quy định; tạo điều kiện để doanh nghiệp triển khai công trình tại khu vực khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Sở Xây dựng: Phối hợp lồng ghép yêu cầu phát triển hạ tầng viễn thông thụ động trong quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, các dự án giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật; phối hợp thực hiện ngầm hóa, chỉnh trang cáp viễn thông.

4. Sở Tài chính: Phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của địa phương.

5. Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN tỉnh: Phối hợp bảo đảm yêu cầu về hạ tầng viễn thông trong quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics và các khu vực sản xuất, kinh doanh tập trung; tạo điều kiện khảo sát, lắp đặt, triển khai hạ tầng 5G, dùng chung hạ tầng viễn thông.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Phối hợp rà soát hiện trạng, nhu cầu hạ tầng viễn thông; xác định các khu vực còn thiếu hạ tầng, điểm lồi sóng, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai và các vị trí cần ưu tiên đầu tư.

- Phối hợp, tạo điều kiện về mặt bằng, vị trí, thủ tục và các điều kiện cần thiết khác để doanh nghiệp triển khai hạ tầng viễn thông theo quy định, thẩm quyền.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp thực hiện mục tiêu mỗi xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS đáp ứng yêu cầu chống chịu thiên tai cấp độ 4.

- Phối hợp kiểm tra, bảo vệ công trình viễn thông; kịp thời thông báo và phối hợp xử lý các trường hợp hạ tầng viễn thông bị ảnh hưởng do thiên tai, sự cố hoặc các nguyên nhân khác.

7. Các doanh nghiệp viễn thông

- Chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, phát triển hạ tầng phù hợp với Kế hoạch này và nhu cầu thực tế; ưu tiên đầu tư tại các khu vực còn thiếu hạ tầng, điểm lồi sóng và khu vực khó khăn.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu rà soát, xác định vị trí và triển khai trạm BTS; bảo đảm mỗi xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS đáp ứng yêu cầu chống chịu thiên tai cấp độ 4.

- Tăng cường sử dụng chung hạ tầng; thực hiện đầu tư mới theo hướng đồng bộ, hiệu quả, có khả năng mở rộng và nâng cấp; đồng thời, chủ động triển khai các giải pháp dự phòng nguồn điện, truyền dẫn và khôi phục thông tin liên lạc; bảo đảm hoạt động của mạng trong điều kiện thiên tai, sự cố.

- Định kỳ cung cấp thông tin, số liệu về hạ tầng, vùng phủ, chất lượng mạng, kế hoạch đầu tư để Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp hỗ trợ, quản lý theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện. / *Cccc*

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}. *Cccc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Phụ lục 1. Các chỉ tiêu cụ thể
(Kèm theo Kế hoạch số: 368 /KH-UBND ngày 27/9/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị theo dõi	Năm 2027	Năm 2030
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	$\geq 90\%$	99%
2	Phủ sóng 5G tại KCN, đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	100%	100%
3	Người sử dụng có khả năng tiếp cận băng rộng cố định tốc độ trên 1 Gb/s	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	$\geq 70\%$	$\geq 80\%$
4	Đưa hạ tầng băng rộng cố định đến 32 thôn chưa có hạ tầng băng rộng cố định	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	$\geq 50\%$	100%
5	Tỷ lệ xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS đáp ứng yêu cầu chống chịu thiên tai tại cấp độ 4	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	100%	100%
6	Khu vực còn điểm lùm sóng, vùng chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ được rà soát, xử lý	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	90%	100%
7	Phát triển BTS tại miền núi, vùng khó khăn, trong đó có BTS 5G	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	Theo nhu cầu và kế hoạch đầu tư hàng năm	Duy trì, mở rộng theo nhu cầu thực tế
8	Khu vực khó khăn được nghiên cứu, triển khai kết nối vệ tinh LEO	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	Rà soát, thí điểm	Mở rộng theo nhu cầu
9	Chuẩn bị điều kiện sẵn sàng phát sóng mạng di động 6G	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	Rà soát, nghiên cứu, chuẩn bị	Theo lộ trình của Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị theo dõi	Năm 2027	Năm 2030
10	Tỷ lệ các tuyến đường mới, khu vực đô thị mới được đầu tư đồng bộ hạ tầng ngầm viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, UBND cấp xã	Rà soát, xác định hiện trạng và lộ trình	100%

Phụ lục 2. Danh mục nhiệm vụ trọng tâm phát triển hạ tầng viễn thông giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số: 368 /KH-UBND ngày 27/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ	Nội dung chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Phát triển mạng băng rộng cố định và truyền dẫn	Mở rộng hạ tầng cáp quang, truyền dẫn; nâng cao dung lượng, chất lượng mạng; ưu tiên đầu tư tại các khu vực chưa có hạ tầng băng rộng cố định	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030
2	Phát triển mạng di động 5G và trạm BTS	Mở rộng vùng phủ mạng 5G; xây dựng, nâng cấp trạm BTS tại khu vực còn thiếu hạ tầng, điểm lồi sóng, khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
3	Xử lý điểm lồi sóng, khu vực chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu	Rà soát, xác định các khu vực còn điểm lồi sóng, chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu; xây dựng phương án và tổ chức đầu tư, nâng cấp hạ tầng để mở rộng vùng phủ, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
4	Thúc đẩy sử dụng chung vị trí BTS, cột, nhà trạm và hạ tầng viễn thông thụ động	Tăng cường sử dụng chung cột anten, vị trí BTS, nhà trạm, nguồn điện, truyền dẫn và các công trình hạ tầng viễn thông thụ động; ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng theo hướng dùng chung, tiết kiệm, hiệu quả và có khả năng mở rộng, nâng cấp công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, các doanh nghiệp viễn thông	2026-2030
5	Nghiên cứu LEO và chuẩn bị hạ tầng cho mạng di động 6G	Rà soát khu vực khó khăn, địa hình phức tạp chưa thuận lợi để phát triển hạ tầng viễn thông; nghiên cứu, thí điểm kết nối vệ tinh quỹ đạo thấp (LEO); nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng, vị trí, nguồn điện, truyền dẫn và các	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông, UBND các xã, phường, đặc khu, cơ quan liên quan	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Nội dung chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		điều kiện kỹ thuật cần thiết cho mạng 6G và công nghệ mới			
6	Ngầm hóa, chỉnh trang và bó gọn cáp viễn thông	Tổ chức ngầm hóa, chỉnh trang, bó gọn cáp viễn thông; ưu tiên các khu vực đô thị, trung tâm hành chính, tuyến đường chính và khu vực đã có hạ tầng kỹ thuật phù hợp; lồng ghép đầu tư hạ tầng viễn thông với các dự án giao thông, đô thị và hạ tầng kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông, Công ty điện lực Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
7	Tăng cường an toàn, khả năng chống chịu và bảo đảm thông tin liên lạc của hạ tầng viễn thông phục vụ phòng, chống thiên tai	Xây dựng, nâng cấp trạm BTS; tăng cường nguồn điện dự phòng, truyền dẫn dự phòng và phương án khôi phục thông tin liên lạc tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai; bảo đảm 100% xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 trạm BTS có khả năng duy trì hoạt động khi xảy ra thiên tai theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định hiện hành.	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm